

QUI TẮC BIÊN MỤC ANH-MỸ AACR2 VÀ THỰC TIỄN BIÊN MỤC VIỆT NAM

Nguyễn Trung Thành | 24/05/2010 | Bài viết chọn lọc, Biên mục - xử lý, Chuyên

môn - nghiệp vụ | 0 phản hồi



Tóm tắt: Nêu rõ những đặc điểm chủ yếu và tình hình sử dụng AACR2 tại Hoa Kỳ và một số nước khác. So sánh một số qui định chủ yếu trong AACR2 với thực tiễn biên mục ở Việt Nam. Đề xuất một số ý kiến nghiên cứu sử dụng AACR2 trong cơ quan thư viện và thông tin nước ta.

Cuộc hội thảo về “Hệ thống và tiêu chuẩn cho thư viện Việt Nam”, (26-28/ 9 / 2001) do Học viện Công nghệ Hoàng gia Melbourne (RMIT) tổ chức tại Hà Nội, với sự tham gia của một số lãnh đạo các thư viện và trung tâm thông tin lớn của ba miền đất nước như: Trung tâm Thông tin Tư liệu KHCN Quốc gia, Thư viện Quốc gia Việt Nam, Trung tâm Thông tin- Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội, Thư viện KHTH TP Hồ Chí Minh, Thư viện Đại học Cần Thơ, Đại học Đà Nẵng, Đại học Huế,... đã đi đến một trong số các khuyến nghị như sau:

“- Nếu Qui tắc biên mục Anh-Mỹ AACR2 được thông qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Văn hoá- Thông tin Việt Nam nên:

- a. Khuyến khích đưa AACR2 vào chương trình thư viện và thông tin học;
- b. Tìm nguồn tài trợ để hiệu đính văn bản AACR2 hiện có cho phù hợp với thuật ngữ đương đại.

Ngoài ra, xu thế biên soạn MARC Việt Nam hiện nay dựa trên MARC 21 là một khổ mẫu có quan hệ chặt chẽ với AACR2 cũng khiến cho nhiều người trong Cộng đồng thông tin-thư viện Việt Nam quan tâm đến Qui tắc biên mục này.

Như chúng ta đều biết: Các nguyên tắc biên mục Paris (1961) đã là cơ sở để biên soạn các qui tắc mô tả và lập tiêu đề, là một bước tiến quan trọng tiến tới tiêu chuẩn hoá biên mục trên phạm vi toàn thế giới. Năm 1967, Mỹ và Anh đã hợp tác biên soạn và xuất bản một bộ qui tắc chung gọi tắt theo tiếng Anh là AACR (Anglo-American Cataloguing Rules), còn gọi là AACR1 để phân biệt với AACR2 sau này. Trong những năm về sau, còn có sự tham gia của các đồng nghiệp Canada và Úc vào Ủy ban liên hợp chỉ đạo việc chỉnh lý bộ qui tắc này.

Một đổi mới quan trọng, khác với các qui tắc trước đây, trong đó có Qui tắc do Hội Thư viện Mỹ (ALA) biên soạn năm 1949, là nhấn mạnh đến sự ưu tiên lấy các thông tin trên trang nhan đề để đưa vào mô tả. Các thông tin trong lời nói đầu, lời giới thiệu và trong chính văn chỉ sử dụng đến khi trang nhan đề không có hay nói không rõ. AACR chú trọng lập tiêu đề theo các loại tên người (tác giả chính, phụ và những người khác tham gia xây dựng tác phẩm, nhân vật), hơn là thể loại. Qui tắc này phân biệt (bản) mô tả chính và

mô tả bổ sung, phân biệt hai hình thức trình bày mô tả: theo tác giả và theo nhan đề (dòng treo).

AACR đề cập tới hình thức mô tả với tiêu đề tác giả tập thể là tên gọi thường dùng của các cơ quan tổ chức và những qui định đối với việc đưa tên gọi của các cơ quan cấp trên vào tiêu đề.

Xu hướng hạn chế dùng tên địa danh trong tiêu đề tác giả tập thể cũng thể hiện, tuy nhiên, trong lần xuất bản năm 1974, việc này mới được qui định dứt khoát.

Nhược điểm của AACR là còn có nhiều qui định bổ sung và ngoại lệ mang tính chấp vá do phải giải quyết những vướng mắc trong quá trình áp dụng để dung hoà với thực tiễn biên mục cũ. Chẳng hạn, chỉ những cơ quan tổ chức lần đầu tiên được lập tiêu đề, mới theo AACR, nghĩa là, lập tiêu đề trực tiếp theo tên gọi thông dụng của các cơ quan tổ chức đó, chứ không phải thông qua địa danh đặt ở trước. Như vậy, trong khoảng thời gian từ 1967 đến 1981, hàng ngàn tiêu đề của nhiều thư viện Mỹ vẫn lập theo kiểu cũ.

Năm 1974, đại diện của các hội thư viện và các thư viện quốc gia của Anh, Mỹ và Canada đã họp lại để bàn về việc soạn thảo một văn bản hoàn toàn mới: Qui tắc AACR2, để khắc phục tình trạng chấp vá nói trên, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng mục lục nhanh chóng tìm được tư liệu và cải thiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực biên mục.

Một nguyên nhân quan trọng nữa thúc đẩy sự ra đời của AACR2 là sự cần thiết phải áp dụng Mô tả theo tiêu chuẩn quốc tế ISBD trong biên mục sách, xuất bản phẩm định kỳ cũng như các loại hình tư liệu và vật mang tin khác.

Mục tiêu của Hội nghị là:

- Thống nhất và hợp nhất các văn bản qui tắc của Bắc Mỹ và của Anh xuất bản năm 1967, đồng thời bổ sung những điều khoản đã sửa chữa hoặc thay đổi theo sự thoả thuận chung.
- Tạo điều kiện mở rộng sử dụng Qui tắc Anh-Mỹ ra ngoài phạm vi của Bắc Mỹ và Anh.
- Xem xét để đưa vào Qui tắc Anh-Mỹ (AACR) những kiến nghị của các hội thư viện Mỹ, Canada, Thư viện Quốc hội Mỹ cũng như của các uỷ ban biên mục quốc gia tại các nước có tham khảo và sử dụng Qui tắc Anh-Mỹ.

AACR2 được chính thức xuất bản vào cuối năm 1978, nhưng đến tháng 1 năm 1981 mới thực sự được áp dụng tương đối rộng rãi. Và từ đó đã trải qua nhiều lần xuất bản có bổ sung và sửa chữa.

Khác với cách bố cục của các qui tắc biên mục trước đó, AACR2 trình bày các qui định về mô tả trước các qui định lựa chọn tiêu đề, bởi vì trình tự này phù hợp với thực tiễn biên mục hiện nay và trong tương lai tại phần lớn các thư viện và cơ quan thư mục. Ngoài ra, nó cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc tích hợp các biểu ghi mô tả sách và các loại hình tư liệu khác trong cùng một thư mục.

Trong các qui định về tiêu đề mô tả (điểm truy nhập), AACR2 ít nhấn mạnh tới hình thức của bản mô tả chính và bản mô tả phụ và tạo khả năng sử dụng nhiều điểm truy nhập cùng một lúc và cung cấp mô tả thư mục đầy đủ.

Một thay đổi lớn nữa là trong khi chọn mô tả chính, người ta không sử dụng tràn lan tên các cơ quan tổ chức làm “tác giả tập thể” mà chỉ qui định một số trường hợp mà thôi, còn các trường hợp khác được chuyển sang mô tả bổ sung, nếu cần.

Bổ phụ tiêu đề thống nhất hình thức “luật”, “hiệp ước”, “kinh thánh”... cho các tác phẩm pháp lý và tôn giáo. Thay vào đó là sử dụng “nhan đề thống nhất” hoặc “đề mục chủ đề”.

Đối với các tiêu đề tên người, thì ưu tiên sử dụng các tên hay biệt hiệu thông dụng, không đảo tên người trong thành phần của tên gọi các cơ quan tổ chức, giải quyết thống nhất tên các bang của Úc, Liên Xô cũ, các hạt (county) của Anh theo kiểu các bang nước Mỹ.

AACR2 đặt nền tảng cho sự hợp tác biên mục trên phạm vi quốc gia và quốc tế, cải tiến các dịch vụ thư mục và tiết kiệm được giá thành. Do cung cấp một mẫu mô tả thống nhất cho tất cả các loại hình tư liệu, nên qui tắc này đã tạo khả năng thực hiện mục lục tích hợp đa phương tiện (multimedia). Ngoài ra, giảm được thời gian tìm kiếm tư liệu cho người sử dụng bằng cách cung cấp những tiêu đề (điểm truy nhập) tương thích nhiều hơn với những hình thức quen dùng trong sách báo và tham chiếu trích dẫn.

Thư viện Quốc hội Mỹ đã đi đầu trong việc áp dụng AACR2 và có những đóng góp đáng kể trong việc sửa đổi, hiệu chỉnh qui tắc này.

Ngoài một số ít thư viện quyết định ngừng mục lục phiếu hiện có và tạo lập mục lục mới với phương pháp mô tả theo AACR2, còn phần lớn chỉ thay đổi tiêu đề theo qui định mới và làm tham chiếu (chỉ chỗ) qua lại “xem thêm:” cho hệ thống mục lục hiện có.

Năm 1988, AACR2 đã được chỉnh biên với tên gọi Qui tắc Anh- Mỹ 2 có chỉnh lý, AACR2 R (Anglo-American Cataloguing Rules 2 Revision).

Một sự thay đổi có ý nghĩa quan trọng là trong cơ cấu nội dung của AACR2 R, phần I, mở đầu, có một chương chung giới thiệu các điều khoản có thể áp dụng cho tất cả các loại hình tư liệu và các tình huống khác nhau dựa theo tinh thần của ISBD (G). Tiếp đó là các chương riêng phản ánh đặc điểm mô tả của từng loại hình tư liệu riêng biệt với mức độ qui định chặt chẽ và chi tiết hơn. Thí dụ: Chương hai: Mô tả sách hay chuyên khảo in; Chương 5: Nhạc phẩm; Chương 6 : Tư liệu ghi âm; Chương 9: Tập tin học; Chương 12: Xuất bản phẩm nhiều kỳ (serials),...

AACR2 R cũng nói rõ trong quá trình mô tả, có khi người biên mục phải tra cứu nhiều chương. Thí dụ, một xuất bản phẩm nhiều kỳ có thể được sản xuất dưới dạng vi phiếu (microfiche) hay đĩa quang (CD-ROM). Trong tình huống này, họ vừa phải dựa vào các qui định trong chương mô tả xuất bản phẩm nhiều kỳ, vừa

phải tra cứu các chương qui định về mô tả tư liệu vi hình hay về các tư liệu đa phương tiện (multimedia).

Ngoài ra, AACR2 còn đưa vào sơ đồ mô tả một khoản thông tin khái quát chung về loại hình tư liệu gọi là “Định danh chung về loại tư liệu” (GMD: General Material Designation) đặt trong ngoặc vuông, ngay sau nhan đề chính, ở vùng thứ nhất của mô tả. Thí dụ, Đờn sống động vật [ghi hình], mặc dầu vùng mô tả vật thể (vùng đặc trưng số lượng) cũng có những thông tin về loại hình, nhưng đó là những thông tin riêng, cụ thể, về vật mang tin của tư liệu được mô tả (Định danh riêng về loại tư liệu), Thí dụ: băng hình, phim điện ảnh, đĩa quang,...

Các qui tắc trong AACR2 R thể hiện được tính linh hoạt, mềm dẻo với 3 mức độ mô tả chi tiết tùy theo nhu cầu của từng nước hay tầm cỡ của thư viện sử dụng, nhưng vẫn đảm bảo theo đúng chuẩn mực quốc tế.

Trong quá trình chuyển đổi mục lục phiếu truyền thống sang mục lục đọc máy và các mục lục truy nhập trực tuyến (on-line), các thư viện Anh, Mỹ đều xây dựng tiêu đề (điểm truy nhập) theo AACR2 R và có các tham chiếu đối với các hình thức đã dùng trước đây. Cho đến lần chỉnh biên năm 1988, AACR2 đã được áp dụng trong hầu hết các nước nói tiếng Anh.

Năm 1997, một cuộc hội nghị quốc tế về các nguyên tắc và sự phát triển tương lai của AACR2 đã được tổ chức tại Toronto, Canada [5]. Hội nghị đã phân tích tính logic của các qui tắc nhằm xác định những nguyên tắc làm cơ sở cho những qui tắc ấy để AACR2 đáp ứng được các tiêu chuẩn chính xác, mềm dẻo, thân thiện với người dùng, tương thích và hiệu quả, với hi vọng biến bộ qui tắc này trở thành một chuẩn quốc tế; đồng thời cũng xem xét lại khái niệm và định nghĩa của xuất bản phẩm nhiều kỳ (serials) trong bối cảnh xuất hiện các nguồn tin điện tử, đặc biệt là các nguồn tin trên mạng. Những người dự Hội nghị cũng đã đề nghị chỉnh sửa Phần I của AACR2 theo sát ISBD hơn nữa, đặc biệt là Chương 9: Tập tin học (CF) cần đổi tên là Nguồn tin điện tử (ER) theo đúng tinh thần và nội dung của ISBD (ER). Đã có khuyến nghị sử dụng thuật ngữ “xuất bản phẩm hoặc nguồn còn đang diễn tiến” (on-going publications/resource), bao hàm các dạng tài liệu: xuất bản phẩm nhiều kỳ, tờ rời và cơ sở dữ liệu, thay cho thuật ngữ “xuất bản phẩm nhiều kỳ”. Một khuyến nghị nữa rất đáng chú ý nữa là phải cải biên lại điều 0.24 của AACR2 theo tinh thần nhấn mạnh đến nội dung tri thức của tài liệu hơn là vật mang tin cho phù hợp của với phương châm phát triển nguồn tin hiện nay là kết hợp giữa sở hữu tại chỗ và truy nhập tài liệu từ xa, ở nơi khác. Qui định này (0.24) nói rằng khi mô tả phải trực diện với tài liệu, nghĩa là có tài liệu trong tay, do đó đã làm cho AACR2 không đủ linh hoạt để mô tả các tài liệu luôn luôn thay đổi theo thời gian, là một trong những đặc trưng chung của các nguồn tin điện tử [5,6]. Có ý kiến nhận định AACR2 đang đứng trước nguy cơ bị “teo lại” trước thách thức của sự phát triển siêu dữ liệu (đặc biệt là chuẩn Dublin Core). Tuy nhiên, theo bà Ann Huthwaite, người quản lý các dịch vụ thư mục của Thư viện Trường đại học Queensland (Úc) thì tính bất ổn định, không có ranh giới rõ rệt của các nguồn tin trên Internet, vấn đề làm thế nào để tạo lập các biểu ghi mới, giải quyết trường hợp có rất nhiều phiên bản (version) của cùng một tư liệu,... cũng là những câu hỏi và thách thức đặt ra đối với những người phát triển siêu dữ liệu. Và cuối cùng thì họ vẫn phải đối mặt với vấn đề kiểm soát tính nhất quán của các tên người và cơ quan tổ chức. Nếu chỉ dựa vào tìm tin theo từ khoá không thôi thì chưa đủ, vì tiêu chuẩn hoá và tính nhất quán của các điểm truy nhập là những yếu tố rất cơ

bản để tìm tin có hiệu quả. Trong mục lục thư viện, điều này đã đạt được thông qua việc áp dụng các qui tắc trong phần II của AACR2. Nếu không áp dụng những qui tắc này thì sự kiểm soát thư mục sẽ rối loạn. Nhìn chung, có sự tương ứng giữa AACR2 và các tiêu chuẩn siêu dữ liệu và các chuẩn này có thể chuyển đổi lẫn nhau. Tuy nhiên, khi AACR2/MARC chuyển đổi sang siêu dữ liệu thì tính chính xác sẽ bị mất đi một cách đáng kể (một số yếu tố không biết đưa vào đâu). Còn ngược lại, khi siêu dữ liệu chuyển đổi sang AACR2/MARC thì ngay lập tức nó không thể tạo được một biểu ghi đầy đủ. Phải mất công hiệu đính nội dung, để nó tuân thủ với các tiêu chuẩn của AACR2. Hội nghị đi đến kết luận rằng Cộng đồng thư viện nên ráng sức ủng hộ sự phát triển tiếp tục của AACR2 và dự kiến năm 1998, chỉnh biên một lần nữa cho phù hợp với những bước phát triển mới trong lịch sử AACR2. Đến nay, bộ qui tắc này đã được dịch sang 18 thứ tiếng khác và được xuất bản đồng thời dưới 2 dạng: ấn phẩm và điện tử. Để hỗ trợ cho AACR2 còn có 2 bản hướng dẫn mới được xuất bản: “Hướng dẫn mô tả thư mục cho tư liệu multimedia tương tác” và “Hướng dẫn mô tả thư mục cho các phiên bản” (reproduction).

Trước năm 1975, AACR đã thâm nhập vào miền Nam nước ta, nơi đã lưu hành và sử dụng bản dịch AACR với nhan đề : “Qui tắc tổng kê Anh-Mỹ”. Gần đây, năm 2001, các đồng nghiệp Việt Nam ở nước ngoài, ông Lâm Vĩnh Thế và bà Phạm Thị Lệ Hương đã hoàn thành bản dịch tiếng Việt của Bộ qui tắc Biên mục Anh Mỹ 2 rút gọn (The Concise AACR2), và Hội hỗ trợ thư viện và giáo dục Việt Nam ở Hoa Kỳ (LEAF-VN) dự định xuất bản và đưa về nước phổ biến trong năm nay, sau khi đã lấy ý kiến góp ý của một số chuyên gia biên mục trong nước.

Có thể nói, nhiều qui định trong AACR2 không xa lạ với thực tiễn biên mục Việt Nam vì:

– Từ những năm 70 của thế kỷ trước, các qui tắc biên mục trên thế giới nói chung đã được chuẩn hoá về số lượng, thứ tự trình bày và hệ thống dấu phân cách các yếu tố/vùng mô tả theo Tiêu chuẩn mô tả thư mục (ISBD). AACR2, như đã trình bày ở trên, không phải là một ngoại lệ. Trong khi đó, từ năm 1984, qui tắc mô tả thư mục của các thư viện Việt Nam hiện hành (đặc biệt là qui tắc của hai thư viện đầu ngành: Thư viện Quốc gia Việt Nam và Thư viện KHKT Trung ương), ở những mức độ khác nhau, đều được biên soạn theo ISBD.

– Thực tế biên mục Việt Nam, trước năm 1985 (năm bắt đầu có những bộ qui tắc dựa theo ISBD), chịu ảnh hưởng rất nhiều của Liên Xô cũ, nơi mà nhiều cán bộ thư viện Việt Nam được đào tạo, nhiều chuyên gia thư viện Liên xô được cử sang Việt Nam hướng dẫn và giảng dạy về biên mục và đặc biệt là bộ qui tắc “Những qui tắc thống nhất mô tả ấn phẩm” (Edinye pravila dlja proizvedenij pechati) đã là tài liệu cơ bản để dịch và biên soạn các qui tắc mô tả của ta thời bấy giờ. Tuy vậy, các qui tắc mô tả ấn phẩm của Liên Xô cũ lại được biên soạn dựa theo truyền thống biên mục Anh-Mỹ (mặc dầu có hạn chế hiện tượng sử dụng tràn lan tiêu đề tác giả tập thể của Qui tắc Anh Mỹ AACR). Ta thấy rất rõ các dấu ấn của AACR trong “Những qui tắc thống nhất mô tả ấn phẩm” của Liên Xô cũ và các qui tắc mô tả của Thư viện Quốc gia Việt Nam (Tác giả: Hoàng Đình Dương) và Thư viện KHKT Trung ương (Tác giả: Nguyễn Kim Anh) thời gian này như: sử dụng những qui định về nhan đề đồng nhất (Uniform title) mặc dầu ít dùng trong thực tế, Tác giả tập thể, bản mô tả chính và bản mô tả phụ, mô tả theo nhan đề với hình thức dòng treo (nhan đề bắt

đầu từ vạch dọc thứ nhất của tờ phiếu),...

Những điểm còn có sự khác biệt giữa thực tế biên mục thủ công của Việt Nam hiện nay với AACR2 như sau:

– Từ khi theo ISBD, các thư viện lớn ở Việt Nam đã không phân biệt mô tả chính (đầy đủ) và mô tả phụ (giản lược) [2].

– Qui tắc mô tả của Việt Nam không áp dụng hình thức tiêu đề hay điểm truy nhập kết hợp giữa tên tác giả và nhan đề (tác giả/nhan đề) như đã được đề cập tới trong AACR2 (Điều 21.30G).

– Trong các qui tắc mô tả của Việt Nam (theo ISBD), ở vùng nhan đề và thông tin trách nhiệm, số lượng các tác giả được qui định ghi như sau: Nếu có từ 4 tác giả trở xuống, thì ghi họ tên của tất cả các tác giả ấy; Nếu có từ 5 tác giả trở lên thì chỉ ghi họ tên của 3 tác giả đầu tiên rồi phẩy ... [et al.] [1]. Trong khi đó, theo Điều 1.1F5 của AACR2, thì nếu có trên 3 tác giả thì chỉ ghi tên tác giả đầu tiên và... [et al.].

– Trong Qui tắc mô tả của Việt Nam không đề cập đến Định danh chung về tài liệu [GMD] trong vùng nhan đề và thông tin về trách nhiệm.

– Theo các sách giáo khoa và tài liệu hướng dẫn sử dụng AACR2 và trên phiếu mục lục của Thư viện Quốc hội Mỹ, khoản ghi thông tin theo dõi các tiêu đề bổ sung và tham chiếu (tracings) có thêm các tiêu đề (đề mục) chủ đề, được đánh thứ tự bằng số ả rập. Còn ở ta, các qui tắc chính thống hầu như không đề cập đến việc ghi tiêu đề (đề mục) chủ đề ở khoản này.

– Bản AACR2 rút gọn so với bản đầy đủ có giản lược bớt một số qui định, thí dụ, không dùng các chữ viết tắt [s.l.], [s.n.] trong vùng địa chỉ xuất bản trong trường hợp không xác định được nơi xuất bản và nhà xuất bản, trong khi đó các qui tắc Việt Nam vẫn có những qui định này.

Như vậy, nếu như cần sử dụng qui tắc biên mục AACR2 để điền vào các phiếu nhập tin theo MARC 21, thì rất nhiều các qui định trong các qui tắc biên mục hiện hành của Việt Nam vẫn còn nguyên giá trị, ta chỉ cần lưu ý đến một số điểm khác biệt đã nêu ở trên. Tuy nhiên, cần nói thêm rằng, MARC 21 (mặc dầu được thiết kế theo mô hình phiếu mục lục AACR2) không nhất thiết đòi hỏi phải sử dụng AACR2, như đã thể hiện bằng các mã trong vị trí 18 của đầu biểu (leader) (mã a: sử dụng AACR2; mã i: sử dụng ISBD).

Tài liệu tham khảo

1. Giáo trình biên mục mô tả / Vũ Văn Sơn. – Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia, 2000. – 250 tr..

2. Một số quan niệm và khái niệm về biên mục trong quá trình phát triển / Vũ Văn Sơn // Tap chí Thông tin & Tư liệu. – 1998, No 3 . – tr.3-6.

3. Anglo-American Cataloguing Rules . – 2nd ed., 1988 rev. – Chicago,...: ALA,..., 1988 . – XXV, 677p.
4. The concise AACR2 . – 1998 revision. – Chicago,...: ALA,..., 1988 . -XV, 168p.
5. AACR2 and its place in the digital world / Ann Huthwaite . – <http://lcweb.loc.gov/catdir/bibcontrol/huthwaite.html>
6. The Anglo-American Cataloguing Rules and their future / R.W. Manning // 64th IFLA General Conference , Amsterdam, 1998 Proceedings . – Paper code number 083-126-E.

Vũ Văn Sơn

(Nguồn trích: Tạp chí Thông tin tư liệu